

Số: /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý vùng trời thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 118/2025/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-BQP ngày 16/01/2026 của Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý vùng trời thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương thành phố Hà Nội tại Văn bản số 1080/SCT-XNK ngày 06/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết **01** thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Quản lý vùng trời thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Công Thương Hà Nội chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Công Thương, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các Sở, ban, ngành Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Cục KS TTHC-Bộ Tư pháp;
 - Bộ Quốc phòng;
 - Bộ Công Thương;
 - Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Các PCT UBND Thành phố;
 - Công Thông tin điện tử Thành phố;
 - TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, đơn vị, chi nhánh/điểm hỗ trợ DVC số;
 - Lưu : VT, KSTTHC.
- } (để báo cáo)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Phúc

Phụ lục I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ
VÙNG TRỜI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026
của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)*

| STT | Mã TTHC | Tên quy trình nội bộ | Ký hiệu |
|----------|--|--|------------|
| I | TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (01 TTHC) | | |
| 1 | 1.014692 | Chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác | QTS-XNK-90 |

Phụ lục II

NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

Quy trình: Thủ tục Chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (Mã TTHC: 1.014692; Mã Quy trình: QTS-XNK-90):

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Phòng không nhân dân năm 2024.
- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.
- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
- Quyết định số 241/QĐ-BQP ngày 16/01/2026 của Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.
- Quyết định số 229/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý vùng trời thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

2. Thành phần hồ sơ

| STT | Tên hồ sơ | Bản sao/ bản chính | Số lượng |
|-----|---|-----------------------|----------|
| 1 | Văn bản đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ) | Bản chính | 01 |
| 2 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác. | Bản sao | 01 |

| STT | Tên hồ sơ | Bản sao/ bản chính | Số lượng |
|-----|--|-----------------------|----------|
| 3 | Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (khổ A4) | Bản chính | 01 |
| 4 | Bảng thông số kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác do nhà sản xuất cung cấp | Bản sao | 01 |
| 5 | Danh mục các trang bị, thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái và phương tiện bay khác | Bản chính | 01 |
| 6 | - Hồ sơ hoặc tài liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, trừ trường hợp tạm xuất tái nhập. - Chứng nhận xuất xứ sản phẩm, Chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu có). | Bản sao | 01 |
| 7 | Trường hợp nhập khẩu theo hình thức ủy thác phải có văn bản, thỏa thuận giữa bên ủy thác và nhận ủy thác; bên ủy thác nhập khẩu phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ. | Bản chính | 01 |
| | <i>(Trường hợp các tổ chức, cá nhân, người nước ngoài đã tích hợp các thông tin và các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành việc kết nối, chia sẻ thông tin trên môi trường điện tử thì không cần các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ)</i> | | |

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

| STT | Cách thức nộp, nhận kết quả |
|-----|---|
| 1 | Trực tiếp tại các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công |
| 2 | Nộp hồ sơ qua đường bưu chính đến các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công |
| 3 | Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia |

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

| Thời gian giải quyết | Mức thu (ĐVT: Việt Nam đồng) | | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến |
|----------------------|---------------------------------|--------|----------------------------------|
| | Phí | Lệ phí | |
| Ngày làm việc | | | |
| 11 ngày làm việc | 0 | 0 | Toàn trình |

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

| STT | Tên biểu mẫu | Cơ sở pháp lý |
|-----|--|--|
| 1 | Đơn đề nghị nhập khẩu tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (BM01-QTS-XNK-90) | Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP |
| 2 | Đơn đề nghị tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (BM02-QTS-XNK-90) | Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP |

6. Quy trình giải quyết

| Tên bước | Đơn vị/ người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian giải quyết tối đa |
|---|---|--|-----------------------------------|
| Bước 1 Tiếp nhận hồ sơ, luân chuyển hồ sơ | Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công | Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. | 0,5 ngày làm việc |
| * Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ | | | |
| Bước 2 Thẩm định hồ sơ | Phòng chuyên môn | Dự thảo Thông báo trả hồ sơ nêu rõ lý do trả hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký ban hành. | 01 ngày làm việc |
| Bước 3 Lãnh đạo cơ quan xem xét phê duyệt | Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành Thông báo trả lại hồ sơ. | 01 ngày làm việc |
| Bước 4 Tiếp nhận kết quả, trả kết quả | Phòng chuyên môn | Lấy số, phát hành Thông báo trả lại hồ sơ và Trả kết quả cho CN-TT PVHCC (trả kèm hồ sơ gốc để CN- TT PVHCC trả lại cho thương nhân). | 0,5 ngày làm việc |

| Tên bước | Đơn vị/ người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian giải quyết tối đa |
|---|---|---|-----------------------------------|
| * Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định | | | |
| Bước 2 Thẩm định hồ sơ | Phòng chuyên môn | Dự thảo văn bản xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trình UBND Thành phố ban hành | 01 ngày làm việc |
| Bước 3 Lãnh đạo cơ quan xét duyệt | Lãnh đạo Sở | Ký nháy văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan, trình UBND Thành phố ban hành | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 4 UBND Thành phố | Lãnh đạo UBND Thành phố, Văn phòng UBND Thành phố | Văn phòng UBND Thành phố trình Lãnh đạo UBND Thành phố ký văn bản xin ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. | 01 ngày làm việc |
| Bước 5 Xin ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an | Bộ Quốc phòng, Bộ Công an | Các cơ quan liên quan cho ý kiến trả lời cơ quan cấp phép | 05 ngày làm việc |
| Bước 6 UBND Thành phố | Văn phòng UBND Thành phố, Lãnh đạo UBND Thành phố | Khi nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Văn phòng UBND Thành phố dự thảo văn bản trình Lãnh đạo UBND Thành phố ký gửi Sở Công Thương đề nghị tham mưu xem xét cho phép/không cho phép nhập khẩu | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 7 Phòng chuyên môn của Sở Công Thương | Phòng chuyên môn | Dự thảo văn bản tham mưu Thành phố cho phép/không cho phép nhập khẩu trên cơ sở trả lời của các cơ quan liên quan | 01 ngày làm việc |
| Bước 8 Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Sở | Ký văn bản trình UBND Thành phố ban hành Giấy phép | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 9 UBND Thành phố | Lãnh đạo UBND Thành phố, Văn phòng UBND Thành phố | Ký ban hành Giấy phép | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 10 Trả kết quả, lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết | Văn phòng UBND Thành phố | Trả kết quả về Trung tâm phục vụ hành chính công (để trả công dân) | 0,5 ngày làm việc |

7. Trách nhiệm trả hồ sơ, kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

| Trách nhiệm | Trung tâm PVHCC | Cơ quan giải quyết hồ sơ |
|--------------------|---|--|
| Trả hồ sơ, kết quả | - Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, bản giấy. | - Chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC bản giấy về Trung tâm PCHCC/Điểm phục vụ hành chính công đảm bảo thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. |
| Lưu trữ | Theo quy định | Theo quy định |

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Nhập khẩu (2)**

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố...

Tên thương nhân

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Email:

Người đại diện chức danh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư) số: do cấp ngày tháng năm

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

1. Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp phép nhập khẩu (1)....., thông tin cụ thể như sau:

- Tên loại hàng hóa, mã HS
- Số lượng:
- Nhà sản xuất (hoặc quốc gia)
- Model
- Trọng lượng cất cánh tối đa (áp dụng đối nhập khẩu với tàu bay)
- Tần số làm việc của thiết bị (nếu có)
- Thời gian bay liên tục cho 01 lần bay (áp dụng đối nhập khẩu với tàu bay)

- Đáp ứng tiêu chuẩn: **(3)**

- Mục đích sử dụng:

2. Hồ sơ kèm theo: **(4)**

(tên của Cơ sở) xin cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích và chấp hành đúng quy định của pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an.
- Lưu:

Hướng dẫn

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan đề nghị nhập khẩu.

(2) “Nhập khẩu,... (tên loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác *hoặc* động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác

(3) Các tiêu chuẩn tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đáp ứng.

(4) Hồ sơ kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).

2. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác (khổ A4).

3. Bảng thông số kỹ thuật của tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác do nhà sản xuất cung cấp (bản sao).

4. Danh mục các trang thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.

5. Hồ sơ (hoặc tài liệu) về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

- Chứng nhận xuất xứ sản phẩm, Chứng nhận chất lượng hàng hoá (nếu có).

Mẫu số 01a

Ban hành kèm theo Nghị định số
288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Chính phủ

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố....

- Tên tổ chức (hoặc thương nhân):
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm...
- Mã số tạm nhập, tái xuất (nếu có):...

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác:

| STT | Mặt hàng | Mã HS | số lượng | Tiêu chuẩn đáp ứng |
|-----|----------|-------|----------|--------------------|
| | | | | |
| | | | | |

- Công ty nước ngoài bán hàng:
- + Theo hợp đồng nhập khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...
- + Cửa khẩu nhập hàng:
- Công ty nước ngoài mua hàng:
- + Theo hợp đồng xuất khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...

+ Cửa khẩu xuất hàng:

Tổ chức (Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).
2. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác (khổ A4) đối với trường hợp tạm nhập tái xuất.
3. Bảng thông số kỹ thuật của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác do nhà sản xuất cung cấp (bản sao) đối với trường hợp tạm nhập tái xuất.
4. Danh mục các trang thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác khác.
5. Hồ sơ (hoặc tài liệu) về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.